TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2022/DS-ST Ngày: 19/01/2022 V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thạch.
2. Bà Dương Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L, sinh năm 1981 và chị Lê Thị Ánh T, sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT: Số 5, Tổ 7, đường Phạm H, khu phố 3, phường Long H, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú hiện tại: Số 5, Tổ 7, đường Phạm Văn Đ, khu phố 3, phường Long H, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Anh L, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1974

Trú tại: Số 144, đường Trương Q, Khu phố 2, Phường Long H, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hoài Nh, sinh năm 1970; Trú tại: Số 144, đường Trương Q, Khu phố 2, Phường Long H, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L và chị Lê Thị Ánh T trình bày:*** Anh chị với vợ chồng anh Nh, chị N là hàng xóm cùng quen biết nhau. Anh chị bắt đầu chơi hụi với anh Nh, chị N từ năm 2016 đến năm 2019 thì chị N trình bày do vỡ hụi nên chị không có tiền trả, cứ hứa trả mà không trả, anh chị có ghi âm lại việc chị N hứa trả tiền.

Anh chị tham gia các dây hụi cụ thể:

Ngày 01/9/2018 dương lịch, tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, hụi có 22 phần, anh chị tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 12 lần là 44.460.000 đồng, đến ngày 22/8/2019 thì vỡ hụi, anh chị không đóng nữa cho đến nay.

Từ ngày chị N tuyên bố vỡ hụi đến nay chị N đưa tiền 04 lần 1.000.000 đồng, 01 lần 2.000.000 đồng, 01 lần 3.000.000 đồng, không có nhớ ngày tháng, không có ký nhận, anh chị tự nhớ và trừ ra, nên nay chị N còn nợ tiền hụi đã đóng là 35.460.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tất cả các dây hụi anh chị tham gia chị N không có giao giấy hụi, đưa tiền đóng tiền hụi chị Nh không có ký nhận. Anh Nh không có thu tiền hụi.

Do anh Nh là chồng chị N, cùng tổ chức chơi hụi cùng nhận tiền nên anh chị yêu cầu anh Nh chị N cùng có trách nhiệm trả tiền hụi là 35.460.000 đồng.

Nay anh chị yêu cầu vợ chồng anh Nh, chị N phải trả tiền hụi còn nợ là 35.460.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

***Bị đơn chị Nhân trình bày:** Chị quen vợ chồng anh L chị T do là hàng xóm, không có quan hệ bạn bè anh em với nhau. Chị L cũng là hàng xóm ở xa nhà, chỉ gặp nhau do cùng nhau ghé mua đồ tại quán tạp hóa, không có quan hệ họ hàng với nhau. Chị N trước đây có làm chủ hụi khoản 10 năm và đã nghỉ năm 2015, anh L chị T chưa chơi hụi chung với chị. Khi chị làm hụi có sổ hụi nhưng đã nghỉ làm hụi từ năm 2015 đến nay, nên sổ sách liên quan tiền hụi chị không còn giữ.

Nay anh L, chị T khởi kiện chị không đồng ý vì, không có nợ tiền gì của các anh chị này.

Anh Lê Hoài Nh trình bày: Anh là chồng của chị Bùi Thị Nh, việc nợ chung là những khoản nào tôi không biết, mọi việc do chị N biết.

Đối với các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền hụi, anh có ý kiến:

Chị N làm hụi cách đây khoản gần 7 năm, nhưng cụ thể thì anh không biết, chưa từng đi gom hụi chung chị N, cũng không ai đóng tiền hụi cho anh.

Hiện các yêu cầu khởi kiện của anh Nhất L, chị Ánh T, chị Bé L anh không biết, anh đồng ý để tòa án giải quyết theo quy định, các nguyên đơn đóng tiền hụi cho ai thì gặp người đó đòi.

Anh không biết tên Trần Văn Đức Mộng Nhất L, Lê Thị Ánh T, Bùi Thị Bé L là ai, vì có thể tên trong giấy tờ không biết, còn hàng xóm gặp mặt sẽ biết. Anh không có làm chủ hụi và không nhận tiền của ai nên không đồng ý trả nợ cho các nguyên đơn khởi kiện.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhân dân đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L, Lê Thị Ánh T đối với anh Lê Hoài Nh và chị Bùi Thị N. Buộc anh Lê Hoài Nh và chị Bùi Thị N phải trả cho anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L, chị Lê Thị Ánh T số tiền vốn hụi còn nợ là 35.460.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L, Lê Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Hoài Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị N vắng mặt không lý do nên HĐXX xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Anh L, chị T và vợ chồng anh Nh chị N là hàng xóm với nhau. Anh L chị T có tham gia chơi hụi với chị N vào các lần cụ thể:

Ngày 01/9/2018 dương lịch, tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, hụi có 22 phần, anh chị tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 12 lần là 44.460.000 đồng, đến ngày 22/8/2019 thì vỡ hụi, anh chị không đóng nữa cho đến nay.

Từ ngày chị N tuyên bố vỡ hụi đến nay chị N đưa tiền 04 lần 1.000.000 đồng, 01 lần 2.000.000 đồng, 01 lần 3.000.000 đồng, không có nhớ ngày tháng, không có ký nhận, anh chị tự nhớ và trừ ra, nên nay chị N còn nợ tiền hụi đã đóng là 35.460.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tất cả các dây hụi anh chị tham gia chị N không có giao giấy hụi, đưa tiền đóng tiền hụi chị N không có ký nhận. Anh Nh không có thu tiền hụi.

Do anh Nh, chị N không trả tiền cho anh chị nên anh chị ghi âm lại cuộc nói chuyện, chị N hứa thanh toán dần tiền nợ cho anh chị nhưng vẫn không trả.

Anh Nh trình bày không biết việc làm hụi của chị N cụ thể như thế nào nên không có ý kiến, đồng ý để tòa án giải quyết theo quy định. Chị N trình bày trước đây có làm chủ hụi khoản 10 năm và đã nghỉ năm 2015, sổ sách liên quan tiền hụi chị không còn giữ, chị N trình bày không có cho anh L chị Tchơi hụi.

Ngày 20/10/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 166/TB-TA yêu cầu anh Nh chị N đến tòa trình bày ý kiến liên quan đoạn ghi âm để xác định giọng nói, nội dung đã trình bày nhưng anh chị không đến tòa, không trình bày ý kiến cụ thể nên nhận thấy anh chị không có thiện chí tự bảo vệ quyền lợi cho anh chị.

Đối với hợp đồng góp hụi các bên thỏa thuận góp hụi và chủ hụi nhận hoa hồng, không thỏa thuận việc tính tiền lãi nên không có cơ sở tính tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của anh L chị T.

Chị N anh Nh là vợ chồng, kinh tế chị N tạo lập cũng nhằm mục đích chi phí chung gia đình nên anh Nh phải chịu trách nhiệm nghĩa vụ chung với chị N theo quy định Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, nên anh L chị T yêu cầu chị N anh Nh cùng trả nợ là phù hợp quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T đối với anh Nh chị N. Anh Nh chị N phải trả cho anh L, chị T tổng tiền vốn hụi còn nợ là 35.460.000 (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

[3] Về án phí: Anh Nh chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh L chị T không phải chịu án phí.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L và chị Lê Thị Ánh T đối với anh Lê Hoài Nh và chị Bùi Thị N.

Buộc anh Lê Hoài Nh và chị Bùi Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L và chị Lê Thị Ánh T số tiền là 35.460.000 (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho anh Trần Văn Đức Mộng Nhất L và chị Lê Thị Ánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 886.000 đồng theo biên lai thu số 0009627, ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Hoài Nh và chị Bùi Thị N phải chịu 1.773.000 (Một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn) đồng.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Dương Thị Ánh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**